

comfee'

Điều hòa Châu Âu thông minh

5★ mới^(*)



Sản xuất tại
Thái Lan



365 ngày
1 đổi 1



Bảo hành
3 năm



(*) Model Inverter VGX/VDM/VGB/VGP/VGD/VGE/VCB1 đạt chuẩn 05 sao mới theo tiêu chuẩn nhãn năng lượng TCVN 7830:2021.
(**) Vui lòng tham khảo chi tiết về chính sách bảo hành và đổi trả sản phẩm tại <https://www.feelcomfee.com/vn/bao-hanh>.



Siêu thông minh



Siêu trong lành



Siêu bền bỉ



Siêu tiết kiệm



Siêu linh hoạt

comfee'...is how I feel!

Comfee' - Thương hiệu đến từ Châu Âu, hiện đã có mặt trên 77 Quốc gia.
Comfee' giúp bạn tạo nên những trải nghiệm xung quanh và tận hưởng từng khoảnh khắc theo cách bạn muốn.

 **77 Quốc Gia**



Nhà máy sản xuất điều hòa tại Thái Lan

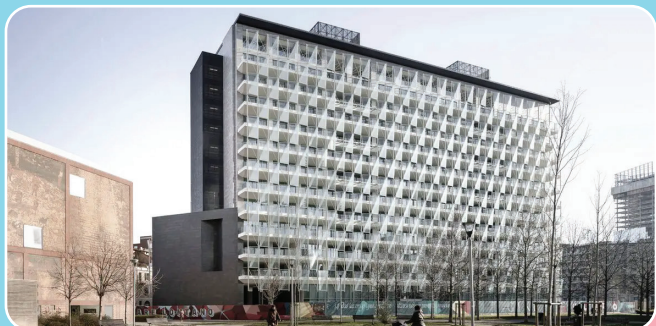
Sở hữu nhà máy hiện đại bậc nhất Đông Nam Á, ứng dụng dây chuyền robot tự động vào toàn bộ quy trình, đảm bảo chính xác đến từng chi tiết. Cùng với đội ngũ chuyên môn nghiên cứu và phát triển sản phẩm dành riêng cho khí hậu nhiệt đới tại Việt Nam.

208,000 m²



Trụ sở tại Milan, Ý

Trung tâm thiết kế đặt tại kinh đô thời trang Milan, Ý.



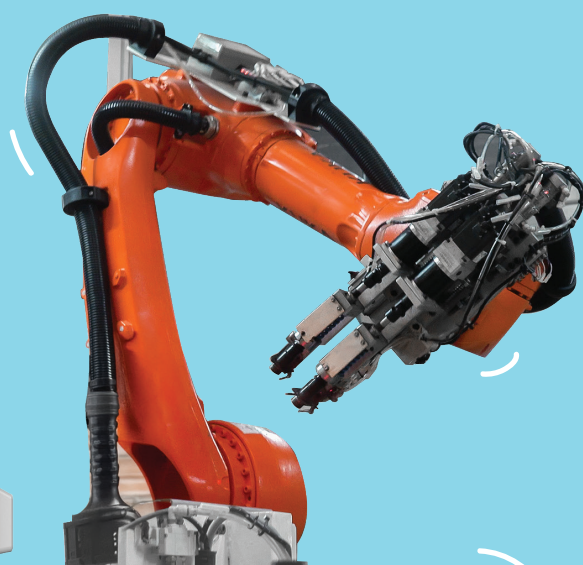
Trụ sở tại Stuttgart, Đức

Nghiên cứu và phát triển công nghệ bởi các kỹ sư tại Stuttgart, Đức - thủ phủ của nền công nghệ Châu Âu.



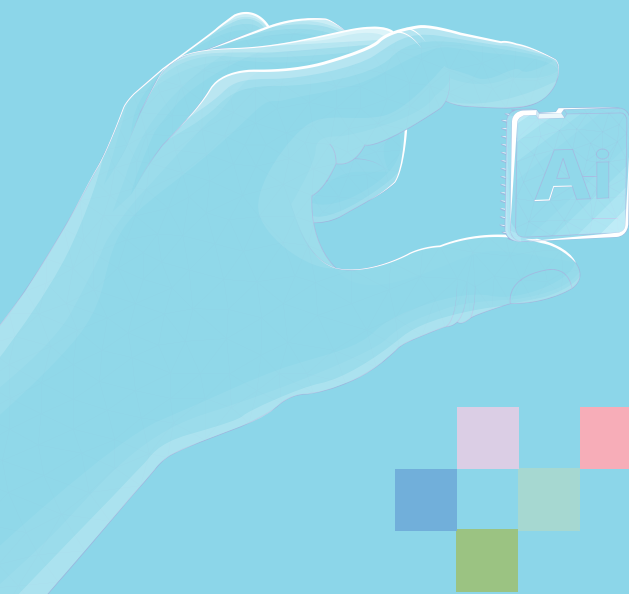
Năng lực sản xuất

Quy trình sản xuất hoàn toàn tự động với máy móc hiện đại giúp sản xuất nguyên khối, đảm bảo chất lượng sản phẩm.



Ứng dụng AI vào sản phẩm

Không những được trang bị các bo mạch được sản xuất từ chuỗi dây chuyền SMT và hệ thống AOI mà điều hòa Comfee' còn được ứng dụng công nghệ AI hiện đại như: tích hợp trợ lý ảo, điều khiển bằng giọng nói, định vị vị trí, báo cáo điện năng.



Comfee' AI Nhà thông minh biết nói

Không chỉ là điều hòa, mà là một phần của hệ sinh thái nhà thông minh Comfee' AI, giúp bạn tận hưởng cuộc sống dễ dàng, thoải mái và kết nối hơn từng khoảnh khắc.



Em đã bật máy lạnh



Comfee ơi, nóng quá!

Điều khiển bằng giọng nói

Ra lệnh bằng giọng nói Tiếng Việt khi kết nối với trợ lý ảo Olli Maika, mọi thành viên trong gia đình đều có thể tương tác với người bạn Comfee' AI thông minh^(*).

(*) Kết nối Google Assistant/ Maika Assistant/ Apple Home Kit.



QUÉT ĐỂ XEM HƯỚNG DẪN
KẾT NỐI



Hyper intelligent Siêu thông minh

Bật/Tắt theo định vị thông minh

Trong bán kính 15km, bạn có thể tự do bật/ tắt điều hòa, hay đơn giản hơn là thiết lập phạm vi bạn mong muốn để điều hòa Comfee chủ động làm mát không gian chào đón bạn ngay khi bạn trở về.

Sleep Curve - Trọn vẹn giấc ngủ

Tùy chỉnh chế độ ngủ theo thói quen cá nhân với thời gian, nhiệt độ và tốc độ quạt, giúp bạn ngủ ngon hơn.

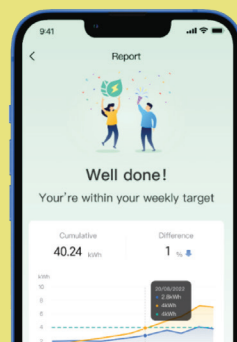
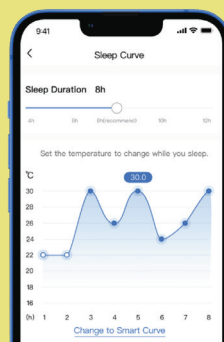
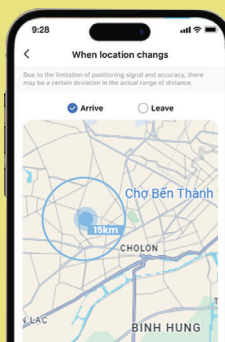
iECO - Quản lý tiêu thụ điện năng

Tận hưởng cuộc sống với sự chủ động trong tầm tay kiểm soát năng lượng tiêu thụ.

LBS
Tắt mở
theo định vị

Sleep curve
Cài đặt
nhiệt độ
theo thời gian

iECO
Quản lý tiêu
thụ điện năng



Đạt chuẩn 5 sao mới

TCVN

7830:2015



TCVN

7830:2021

Tiết kiệm hơn

23%*

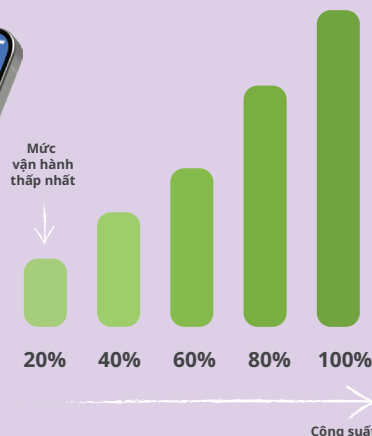
so với chuẩn 5 sao cũ

(*) Dựa trên kết quả so sánh tiêu chuẩn tiết kiệm điện 5 sao của TCVN 7830:2021 và TCVN 7830:2015.

Gear+ mode

Tiết kiệm điện mà vẫn dễ chịu

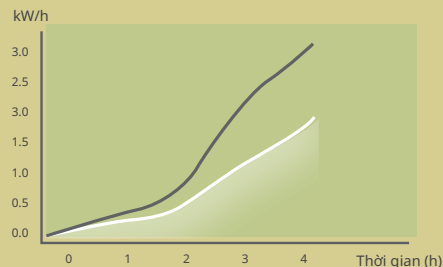
Nâng cấp 05 chế độ Gear+ để đảm bảo mát lạnh tối đa mà vẫn thoải mái.



Thuật toán ECO+ AI

Tiết kiệm điện chủ động

Công nghệ tiết kiệm năng lượng thế hệ mới ECO+ của Comfee', được trang bị Thuật toán AI, có thể cân bằng giữa nhu cầu tiết kiệm năng lượng và nhu cầu tiện nghi. Chỉ cần nhấn nút ECO+, máy điều hòa sẽ tiết kiệm hơn 30% năng lượng so với chế độ làm mát thông thường.



Chế độ thường

Chế độ ECO+

Chứng nhận **SGS**

(*) So sánh mức tiêu thụ điện năng trong 4 giờ của cùng một model ở chế độ ECO+ và chế độ bình thường.

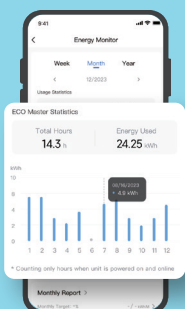


Tiết kiệm
lên đến
30%*



Quản lý điện năng vượt trội

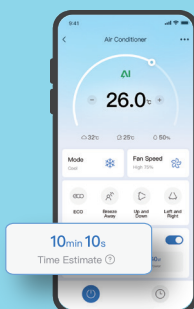
Cuộc sống chủ động và thoải mái hơn khi được chủ động quản lý điện năng. Nhà vẫn mát mà hóa đơn vẫn nhẹ tênh.



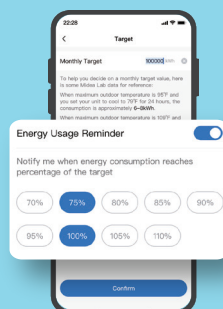
Theo dõi năng lượng



Báo cáo tiêu thụ điện



Thời gian ước tính



Cảnh báo tiêu thụ

Khí sạch trong lành, tận hưởng khoảnh khắc



Diệt khuẩn bằng IONIZER

Dưới tác động của điện trường, hàng triệu ion âm được tạo ra để tiêu diệt vi khuẩn và virus. Việc sử dụng tính năng "Diệt khuẩn bằng ion" ở chế độ quạt suốt 24 giờ chỉ tiêu thụ dưới 1 kWh điện.



bộ phát ion

Loại bỏ
99%
Vi rút
H1N1^(*)

(*) Được thử nghiệm bởi Trung tâm Phát hiện Vi sinh vật Quảng Đông.
Thời gian xét nghiệm: 2h, Virus: H1N1.

(**) Chỉ có trên model CFS-10VGE, CFS-13VGE.



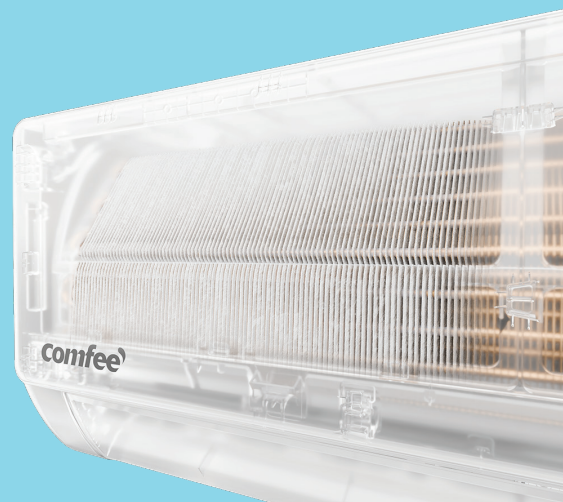
Dàn lạnh sạch sâu với AI Frost Clean

AI Frost Clean ở -10°C - Đóng băng và làm sạch sâu dàn lạnh

Công nghệ này giúp đóng băng vi khuẩn và bụi bẩn ở -10°C, sau đó rã đông và làm sạch, giúp rửa trôi mọi bụi bẩn và vi khuẩn hiệu quả nhất, giữ cho làn gió luôn trong lành và an toàn cho sức khỏe.



(*) Tổng thời gian làm sạch và nhiệt độ phủ sương sẽ khác nhau tùy thuộc vào môi trường hoạt động; thời gian làm sạch tối đa là 42 phút.

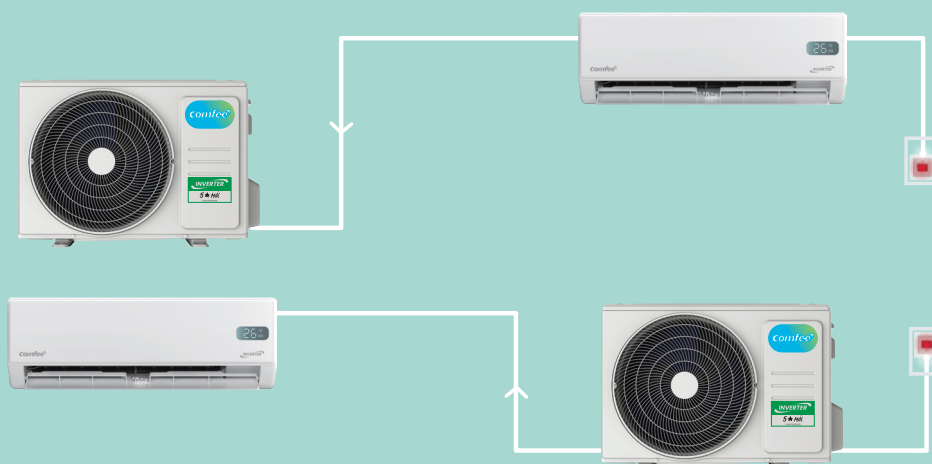


Lắp đặt không giới hạn

Đa dạng nguồn cung ứng điện, kết nối nguồn điện linh hoạt, hữu dụng với 2 chế độ:

- Chế độ 1: Nguồn điện từ dàn lạnh
- Chế độ 2: Nguồn điện từ dàn nóng

Điều hòa thông minh Comfee hoàn toàn lắp đặt được ở nhiều dạng công trình tòa nhà như chung cư.



Cách 1: Cấp nguồn dàn lạnh

Cách 2: Cấp nguồn dàn nóng

Thích ứng với dải điện áp rộng

Hoạt động trong dải điện áp rộng

Bộ biến tần của Comfee' cho phép hoạt động trong dải điện áp từ 80V-265V^(*). Dù là trong thời điểm cao điểm tiêu thụ điện ở khu vực đô thị hay thiếu hụt nguồn cung cấp điện ở vùng xa, thiết bị vẫn luôn hoạt động một cách ổn định.

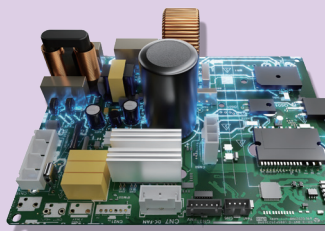
Truyền thống

184V 264V

comfee'

80V 265V

(*) Phạm vi hoạt động điện áp của BP3 là 80-265V, BP2 là 150-265V và 18k trở lên là 120-256V.



PCV với lớp phủ UV

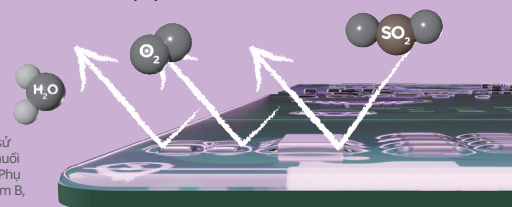
Bảo vệ bo mạch PCV tốt hơn

Bảo vệ bằng tia UV, có độ bảo vệ dày hơn gấp 2 lần và mật độ cao hơn lớp phủ thường.

Khu vực ăn mòn

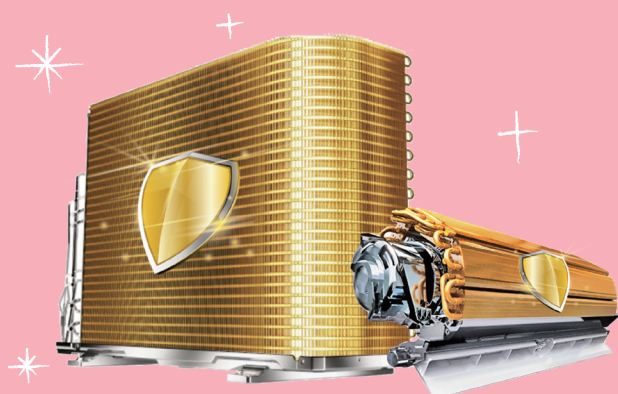
<0.02%^(*) Chứng nhận bởi **Intertek**
Total Quality Assured.

(*) Tùy thuộc vào môi trường sử dụng công nghiệp bị nhiễm muối (Tham khảo ISO 21207:2015, Phụ lục A, phương pháp thử nghiệm B, JIS Z 2371:2015 Phụ lục JC)



Lớp phủ chống ăn mòn Golden coating

Lớp phủ vàng có khả năng chống oxy hóa và ăn mòn tốt hơn so với các lá tản nhiệt thông thường, giúp máy hoạt động ổn định và bền bỉ hơn. Lớp phủ này có thể ngăn chặn sự sinh sôi và lây lan của vi khuẩn, đồng thời chịu được các tác nhân gây ăn mòn.



TEST 1 Thử nghiệm với muối



Xịt muối 1000 giờ (tương đương hơn 10 năm sử dụng)
Mức độ bảo vệ $\geq 9,5$ và không bị ăn mòn.

TEST 2 Thử nghiệm với axit



Thử nghiệm với axit trong 30 phút (tương đương với thử nghiệm mưa axit tăng tốc 10.000 lần)
Bề mặt bị ăn mòn $\leq 0,5\%$

Lớp phủ vàng

Phủ thường



Cân bằng độ ẩm thông minh

Công nghệ AI Humidity tự động duy trì độ ẩm lý tưởng từ 40% - 70%, mang đến sự thoải mái tối đa.

Thuật toán AI thông minh tự động điều chỉnh tốc độ quạt và công suất làm lạnh để cân bằng độ ẩm, giúp không khí luôn trong lành và cân bằng mà không cần bạn phải thao tác thủ công.



Điều khiển thông minh



SmartHome
Smart Compatible



Cá nhân hoá ngữ cảnh điều khiển

LBS

Định vị vị trí

Điều khiển theo thời tiết

Quản lý thông minh

Chăm sóc thú cưng

Chia sẻ điều khiển

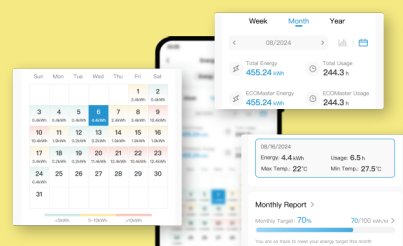
Pet Care

AI Sleep Curve

Chế độ yêu thích



Quản lý tiêu thụ điện năng



Hệ sinh thái thông minh biết nói

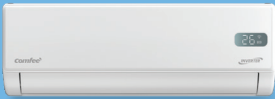
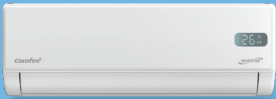
Hey! Siri



comfee'



Gusto SERIES - Dòng tiêu chuẩn
Gusto Cooling



Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Model		CFS-10VGX	CFS-13VGX
Dàn lạnh		CFS-10VGXF	CFS-13VGXF
Dàn nóng		CFS-10VGXC	CFS-13VGXC
Inverter		Có	Có
Xuất xứ		Thái Lan	Thái Lan
Năm		2026	2026
Chức năng nổi bật và Thông số kỹ thuật			
IOT - Kết nối Wifi		Có	Có
AI Cool - Điều khiển bằng giọng nói		Có	Có
iECO - Quản lý điện năng tiêu thụ qua ứng dụng		Có	Có
Sleep Curve - Chương trình chăm sóc giấc ngủ		Có	Có
Follow me - Cảm biến nhiệt độ		Có	Có
Định vị thông minh có thể tự khởi động trước khi về tới nhà		Có	Có
Eco+ mode - Chế độ tiết kiệm điện tối ưu		Có	Có
Gear Control - Nâng cấp từ 3 đến 5 mức tiết kiệm năng lượng		20%, 40%, 60%, 80%, 100%	20%, 40%, 60%, 80%, 100%
Chế độ tự làm sạch dàn lạnh (Đóng băng)		Có	Có
Lớp phủ chống ăn mòn dàn nóng và dàn lạnh (Golden Coating)		Có	Có
Kết nối linh hoạt 2 nguồn (từ dàn nóng/từ dàn lạnh)		Có	Có
PCB với lớp phủ UV		Có	Có
Điện áp trải dài 80V ~ 265V		Có	Có
Auto restart mode - Tự khởi động lại		Có	Có
Dehumidification mode - Chế độ hút ẩm		Có	Có
Dual Filtration - Công nghệ lọc kép		Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh		Có	Có
AI Humidity - Cân bằng độ ẩm		Có	Có
Điện áp		220-240V,1Ph,50/60Hz	220-240V,1Ph,50/60Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh (Btu/h)	9350 (1250 - 10631)	12000 (3900 - 12500)
	Điện năng tiêu thụ định mức (W)	830	1250
	Dòng điện làm lạnh định mức (A)	3.61	5.09
	Hệ số hiệu quả làm lạnh (CSPF)	5.20	5.20
	Cấp hiệu suất năng lượng	5	5
Công suất danh định (W)		2,050	2,050
Dòng điện tối đa (A)		9	9
Lưu lượng gió làm lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (m3/h)		560/410/330	560/420/350
Độ ồn dàn lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		40.0/35.5/32.0	35.5/31/29
Kích thước dàn lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	723x199x286	813x201x289
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	780x270x365	870x270x365
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	7.1/9.4	7.8/9.88
Lưu lượng gió dàn nóng (m³/h)		1300	1300
Độ ồn dàn nóng (dB(A))		51.0	55.0
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	668x252x469	668x252x469
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	765x270x525	765x270x525
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	16.7/18.6	17.0/18.484
Gas làm lạnh (kg)		R32/0.36	R32/0.42
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)		4.3/1.7	4.3/1.7
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (mm)	6.35/9.52	6.35/9.52
	Chiều dài ống tối đa (m)	15	15
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10	10
Nhiệt độ làm lạnh (°C)		17 ~ 30	17 ~ 30
Nhiệt độ phòng	Trong nhà (°C)	16 ~ 32	16 ~ 32
	Ngoài trời (°C)	0 ~ 50	0 ~ 50
Diện tích phòng (m²)		12 ~ 18	16 ~ 23

Gusto SERIES - Dòng tiêu chuẩn

Gusto Cooling

Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

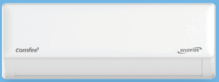
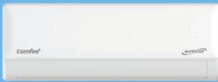
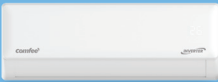


Model	CFS-18VGX	CFS-25VGX	CFS-28VGX
Dàn lạnh	CFS-18VGXF	CFS-25VGXF	CFS-28VGXF
Dàn nóng	CFS-18VGXC	CFS-25VGXC	CFS-28VGXC
Inverter	Có	Có	Có
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan	Thái Lan
Năm	2026	2026	2026

Chức năng nổi bật và Thông số kỹ thuật

IOT - Kết nối Wifi	Có	Có	Có
AI Cool - Điều khiển bằng giọng nói	Có	Có	Có
iECO - Quản lý điện năng tiêu thụ qua ứng dụng	Có	Có	Có
Sleep Curve - Chương trình chăm sóc giấc ngủ	Có	Có	Có
Follow me - Cảm biến nhiệt độ	Có	Có	Có
Định vị thông minh có thể tự khởi động trước khi về tới nhà	Có	Có	Có
Eco+ mode - Chế độ tiết kiệm điện tối ưu	Có	Có	Có
Gear Control - Nâng cấp từ 3 đến 5 mức tiết kiệm năng lượng	20%, 40%, 60%, 80%, 100%	20%, 40%, 60%, 80%, 100%	20%, 40%, 60%, 80%, 100%
Chế độ tự làm sạch dàn lạnh (Đóng băng)	Có	Có	Có
Lớp phủ chống ăn mòn dàn nóng và dàn lạnh (Golden Coating)	Có	Có	Có
Kết nối linh hoạt 2 nguồn (từ dàn nóng/từ dàn lạnh)	Có	Có	Có
PCB với lớp phủ UV	Có	Có	Có
Điện áp trải dài 80V ~ 265V	Có	Có	Có
Auto restart mode - Tự khởi động lại	Có	Có	Có
Dehumidification mode - Chế độ hút ẩm	Có	Có	Có
Dual Filtration - Công nghệ lọc kép	Có	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh	Có	Có	Có
AI Humidity - Cân bằng độ ẩm	Có	Có	Có
Điện áp	220-240V, 1Ph, 50/60Hz	220-240V, 1Ph, 50/60Hz	220-240V, 1Ph, 50/60Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh (Btu/h)	18000 (6900 - 18500)	24000 (9600 - 25500)
	Điện năng tiêu thụ định mức (W)	1758	2512
	Dòng điện làm lạnh định mức (A)	7.64	10.92
	Hệ số hiệu quả làm lạnh (CSPF)	5.11	4.90
	Cấp hiệu suất năng lượng	5	5
Công suất danh định (W)	3,000	3,550	3,800
Dòng điện tối đa (A)	13.5	16	18.0
Lưu lượng gió làm lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)	895/740/650	1300/960/760	1300/1030/900
Độ ồn dàn lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))	44.5/37/34.5	47/40/36.5	46.0/42.0/39.5
Kích thước dàn lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	975x218x308	1055x231x330
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	1035x295x385	1130x405x310
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	10.1/13.2	12.1/15.6
Lưu lượng gió dàn nóng (m³/h)	2100	2500	3500
Độ ồn dàn nóng (dB(A))	56.0	59.0	56.5
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	765x303x555	805x330x554
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	887x337x610	915x370x615
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	24.2/26.5	29.9/32.5
Gas làm lạnh (kg)	R32/0.65	R32/0.83	R32/0.90
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)	4.3/1.7	4.3/1.7	4.3/1.7
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (mm)	6.35/12.7	6.35/12.7
	Chiều dài ống tối đa (m)	20	20
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10	12
Nhiệt độ làm lạnh (°C)	17~30	17 ~ 30	17 ~ 30
Nhiệt độ phòng	Trong nhà (°C)	16~32	16 ~ 32
	Ngoài trời (°C)	0~50	0 ~ 50
Diện tích phòng (m²)	24~35	32 ~ 47	37 ~ 55

Gusto SERIES - Dòng tiêu chuẩn
Gusto Cooling



Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Model	CFS-10VDM	CFS-13VDM	CFS-18VDM
Dàn lạnh	CFS-10VDMF	CFS-13VDMF	CFS-18VDMF
Dàn nóng	CFS-10VDMC	CFS-13VDMC	CFS-18VDMC
Inverter	Có	Có	Có
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan	Thái Lan
Năm	2026	2026	2026

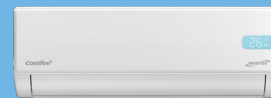
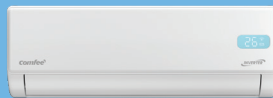
Chức năng nổi bật và Thông số kỹ thuật

IOT - Kết nối Wifi		Có	Có	Có
AI Cool - Điều khiển bằng giọng nói		Có	Có	Có
iECO - Quản lý điện năng tiêu thụ qua ứng dụng		Có	Có	Có
Sleep Curve - Chương trình chăm sóc giấc ngủ		Có	Có	Có
Follow me - Cảm biến nhiệt độ		Có	Có	Có
Định vị thông minh có thể tự khởi động trước khi về tới nhà		Có	Có	Có
Eco+ mode - Chế độ tiết kiệm điện tối ưu		Có	Có	Có
Gear Control - Nâng cấp từ 3 đến 5 mức tiết kiệm năng lượng		20%, 40%, 60%, 80%, 100%	20%, 40%, 60%, 80%, 100%	20%, 40%, 60%, 80%, 100%
Chế độ tự làm sạch dàn lạnh (Đóng băng)		Có	Có	Có
Lớp phủ chống ăn mòn dàn nóng và dàn lạnh (Golden Coating)		Có	Có	Có
Kết nối linh hoạt 2 nguồn (từ dàn nóng/từ dàn lạnh)		Có	Có	Có
PCB với lớp phủ UV		Có	Có	Có
Điện áp trải dài 80V ~ 265V		Có	Có	Có
Auto restart mode - Tự khởi động lại		Có	Có	Có
Dehumidification mode - Chế độ hút ẩm		Có	Có	Có
Dual Filtration - Công nghệ lọc kép		Có	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh		Có	Có	Có
AI Humidity - Cân bằng độ ẩm		Có	Có	Có
Điện áp		220-240V,1Ph,50/60Hz	220-240V,1Ph,50/60Hz	220-240V,1Ph,50/60Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh (Btu/h)	9350 (1250 - 10631)	12000 (3900 - 12500)	18000 (6900 - 18500)
	Điện năng tiêu thụ định mức (W)	830	1250	1758
	Dòng điện làm lạnh định mức (A)	3.61	5.09	7.64
	Hệ số hiệu quả làm lạnh (CSPF)	5.20	5.20	5.16
	Cấp hiệu suất năng lượng	5	5	5
Công suất danh định (W)		2,050	2,050	3,000
Dòng điện tối đa (A)		9	9	13.5
Lưu lượng gió làm lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (m3/h)		560/410/330	560/420/350	1250/990/860
Độ ồn dàn lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		40.0/35.5/32.0	35.5/31/29	44.5/37/34.5
Kích thước dàn lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	723x199x286	813x201x289	975x218x308
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	780x270x365	870x270x365	1065x300x385
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	7.2/9.4	7.68/9.88	10.1/14.2
Lưu lượng gió dàn nóng (m³/h)		1300	1300	2100
Độ ồn dàn nóng (dB(A))		51.0	55.0	56.0
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	668x252x469	668x252x469	765x303x555
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	765x270x525	765x270x525	887x337x610
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	16.9/18.6	17/18.7	24.2/27.4
Gas làm lạnh (kg)		R32/0.36	R32/0.42	R32/0.65
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)		4.3/1.7	4.3/1.7	4.3/1.7
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (mm)	6.35/9.52	6.35/9.52	6.35/12.7
	Chiều dài ống tối đa (m)	15	15	20
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10	10	10
Nhiệt độ làm lạnh (°C)		17 ~ 30	17 ~ 30	17 ~ 30
Nhiệt độ phòng	Trong nhà (°C)	16 ~ 32	16 ~ 32	16 ~ 32
	Ngoài trời (°C)	0 ~ 50	0 ~ 50	0 ~ 50
Diện tích phòng (m²)		12 ~ 18	16 ~ 23	24 ~ 35

Gusto Pro SERIES - Dòng nâng cao

Gusto Saving

Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.



Model	CFS-10VGE	CFS-13VGE
Dàn lạnh	CFS-10VGEF	CFS-13VGEF
Dàn nóng	CFS-10VGECE	CFS-13VGECE
Inverter	Có	Có
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan
Năm	2025	2025

Chức năng nổi bật và Thông số kỹ thuật

IOT - Kết nối Wifi	Có	Có
AI Cool - Điều khiển bằng giọng nói	Có	Có
iECO - Quản lý điện năng tiêu thụ qua ứng dụng	Có	Có
Sleep Curve - Chương trình chăm sóc giấc ngủ	Có	Có
Follow me - Cảm biến nhiệt độ	Có	Có
Định vị thông minh có thể điều khiển từ xa trước khi về tới nhà	Có	Có
Eco+ mode - Chế độ tiết kiệm điện tối ưu	Có	Có
Gear Control - Nâng cấp từ 3 đến 5 mức tiết kiệm năng lượng	20%, 40%, 60%, 80%, 100%	20%, 40%, 60%, 80%, 100%
Chế độ tự làm sạch dàn lạnh (đóng băng)	Có	Có
Lớp phủ chống ăn mòn dàn nóng và dàn lạnh (Golden Coating)	Có	Có
Kết nối linh hoạt 2 nguồn (từ dàn nóng/từ dàn lạnh)	Có	Có
PCB với lớp phủ UV	Có	Có
Điện áp trải dài 80V ~ 265V	Có	Có
Diệt khuẩn bằng Ion âm	Có	Có
Auto restart mode - Tự khởi động lại	Có	Có
Dehumidification mode - Chế độ hút ẩm	Có	Có
Dual Filtration - Công nghệ lọc kép	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh	Có	Có
Đèn trên remote	Có	Có
Điện áp	220-240V, 1Ph, 50/60Hz	220-240V, 1Ph, 50/60Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh (Btu/h)	9500 (3036 - 13136)
	Điện năng tiêu thụ định mức (W)	760
	Dòng điện làm lạnh định mức (A)	5.20
	Hệ số hiệu quả làm lạnh (CSPF)	5.87
	Cấp hiệu suất năng lượng	5
Công suất danh định (W)	2,050	2,050
Dòng điện tối đa (A)	9	9
Lưu lượng gió làm lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)	600/510/420/340	600/510/420/340
Độ ồn dàn lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))	37.5/30/27.5	38/31.5/29
Kích thước dàn lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	825x199x286
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	895x290x365
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	8.1/10.6
Lưu lượng gió dàn nóng (m³/h)	1800	1800
Độ ồn dàn nóng (dB(A))	53	54
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	720x270x495
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	835x300x540
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	19.5/20.7
Gas làm lạnh (kg)	R32	R32
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)	4.3/1.7	4.3/1.7
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (mm)	6.35/9.52
	Chiều dài ống tối đa (m)	15
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10
Nhiệt độ làm lạnh (°C)	17 ~ 30	17 ~ 30
Nhiệt độ phòng	Trong nhà (°C)	17 ~ 30
	Ngoài trời (°C)	0 ~ 50
Diện tích phòng (m²)	13 ~ 20	16 ~ 23



Comfee' air

Comfee' tạo làn gió mát dễ chịu và lan tỏa đều khắp phòng nhờ vào sự kết hợp giữa “Cánh Đảo Gió Kép” với thiết kế 5.013 lỗ gió siêu nhỏ và cấu trúc đồng hồ cát của “Lưới Tản Gió”. Giảm thiểu tình trạng gió thổi vào một điểm gây cảm giác khó chịu.

Cánh đảo gió kép với lỗ gió siêu nhỏ



Cánh Đảo Gió Kép với 5013 lỗ gió siêu nhỏ.

“Cánh Đảo Gió Kép” với 2 cánh trong (162°) và ngoài (34°) sẽ điều chỉnh hướng gió, tốc độ thổi linh động và hiệu quả hơn.



Cấu trúc Đồng Hồ Cát

“Lưới Tản Gió” với lỗ gió siêu nhỏ có cấu trúc “Đồng Hồ Cát” giúp làn gió được thổi ra nhẹ nhàng, và tăng độ lan tỏa rộng hơn.

Follow me Cảm biến vị trí

Trang bị cảm biến nhiệt độ có trên remote, Comfee' sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ quanh vị trí của bạn dựa theo nhiệt độ đã cài đặt.



Với Follow me



Không có Follow me



Công nghệ Ionizer Khử khuẩn bằng ion âm

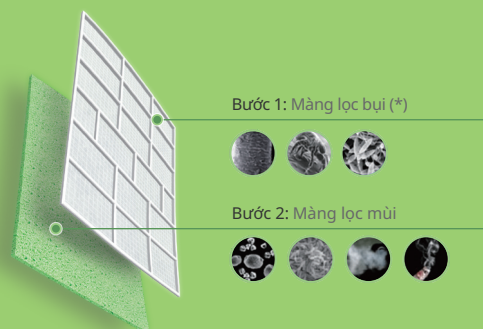
Hệ thống Ionizer với cơ chế khử khuẩn bằng Ion âm làm tăng hiệu quả lọc bụi và diệt vi khuẩn, mang đến bầu không khí thêm trong lành, sạch sẽ và tinh khiết hơn.

Dual filter - Công nghệ lọc kép

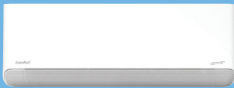
Đầu tiên, không khí đi qua màng lọc loại bỏ triệt để các hạt bụi có kích thước từ 0.7-0.75 mm.

Sau đó, qua lớp lọc mùi tích hợp than hoạt tính giúp hấp thụ và phân hủy các chất độc trong không khí như Formaldehyde, Amoniac và Benzen góp phần giảm thiểu khả năng gây dị ứng.

(*) Màng lọc có thể giặt và tái sử dụng để tiết kiệm chi phí.



Comfee Air SERIES - Dòng cao cấp



Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Model	CFS-10VCB1	CFS-13VCB1
Dàn lạnh	CFS-10VCB1F-V	CFS-13VCB1F-V
Dàn nóng	CFS-10VCB1C-V	CFS-13VCB1C-V
Inverter	Có	Có
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan
Năm	2023	2023

Chức năng nổi bật

IOT - Kết nối Wifi	Có	Có
AI COOL - Điều khiển bằng giọng nói	Có	Có
iECO - Quản lý điện năng tiêu thụ qua ứng dụng	Có	Có
Comfee Air - Mát êm dịu	Có	Có
Ionizer - Diệt khuẩn bằng ion âm	Có	Có
Sleep Curve - Chương trình chăm sóc giấc ngủ	Có	Có
Cool Flash - Làm lạnh siêu tốc	Có	Có
Follow me - Cảm biến nhiệt độ	Có	Có
Eco mode - Chế độ tiết kiệm điện tối ưu	Có	Có
Gear mode - Tiết kiệm điện chủ động 3 cấp	50%, 75%, 100%	50%, 75%, 100%
Active Clean mode - Chế độ tự làm sạch dàn lạnh	Có	Có
Golden Coating - Lớp phủ chống ăn mòn dàn nóng/lạnh	Có	Có
Dual Filtration - Công nghệ lọc kép	Có	Có
Sleep mode - Chế độ ngủ	Có	Có
Auto Restart mode - Tự khởi động lại	Có	Có
Dehumidification mode - Chế độ hút ẩm	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh	Có	Có
Đèn trên remote	Có	Có

Thông số kỹ thuật

Điện áp		220-240V,1Ph,50/60Hz	220-240V,1Ph,50/60Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh (Btu/h)	10000 (3105 - 13649)	12000 (3105 - 13649)
	Điện năng tiêu thụ định mức (W)	802	1105
	Dòng điện làm lạnh định mức (A)	5.0	5.10
	Hệ số hiệu quả làm lạnh (CSPF)	6.01	5.67
	Cấp hiệu suất năng lượng	5	5
Công suất danh định (W)		2300	2300
Dòng điện tối đa (A)		10.5	10.5
Lưu lượng gió làm lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)		547/375/288	547/375/288
Độ ồn dàn lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		38.5/33/30.5	38.5/33/30.5
Kích thước dàn lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	812x199x299	812x199x299
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	870x277x385	870x277x385
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	9.3/12.05	9.3/12.05
Lưu lượng gió dàn nóng (m³/h)		2200	2200
Độ ồn dàn nóng (dB(A))		53.5	53.5
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	720x270x495	720x270x495
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	835x300x540	835x300x540
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	20/22	20/22
Gas làm lạnh (kg)		R32/0.5	R32/0.5
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)		4.3/1.7	4.3/1.7
Nhiệt độ làm lạnh (°C)		17 ~ 30	17 ~ 30
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (mm)	6.35/9.52	6.35/9.52
	Chiều dài ống tối đa (m)	15	15
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10	10
Nhiệt độ phòng	Dàn lạnh (°C)	16 ~ 32	16 ~ 32
	Dàn nóng (°C)	0 ~ 50	0 ~ 50
Diện tích phòng (m²)		15	15-20

ĐIỀU HÒA 2 CHIỀU - Hè Mát, Đông Ấm



Em đã khởi động!

Comfee ơi, khởi động máy

Điều khiển bằng giọng nói

Ra lệnh bằng giọng nói Tiếng Việt khi kết nối với trợ lý ảo Olli Maika, mọi thành viên trong gia đình đều có thể tương tác với người bạn Comfee' AI thông minh.

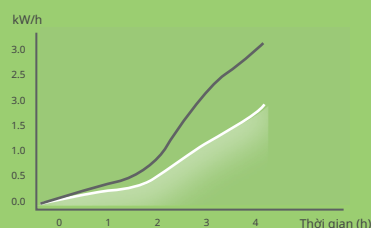
*Kết nối Google Assistant/ Maika Assistant/ Apple Home Kit.



Thuật toán ECO+ AI

Tiết kiệm điện và dễ chịu

Công nghệ tiết kiệm năng lượng thế hệ mới ECO+ của Comfee', được trang bị Thuật toán AI, có thể cân bằng giữa nhu cầu tiết kiệm năng lượng và nhu cầu tiện nghi. Chỉ cần nhấn nút ECO+, máy điều hòa sẽ tiết kiệm hơn 30% năng lượng so với chế độ làm mát thông thường.

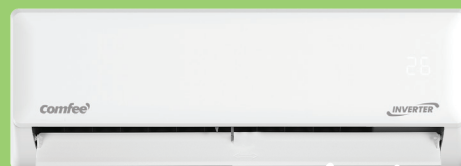


Chế độ thường

Chế độ ECO+

Chứng nhận **SGS**

(*) So sánh mức tiêu thụ điện năng trong 4 giờ của cùng một model ở chế độ ECO+ và chế độ bình thường.

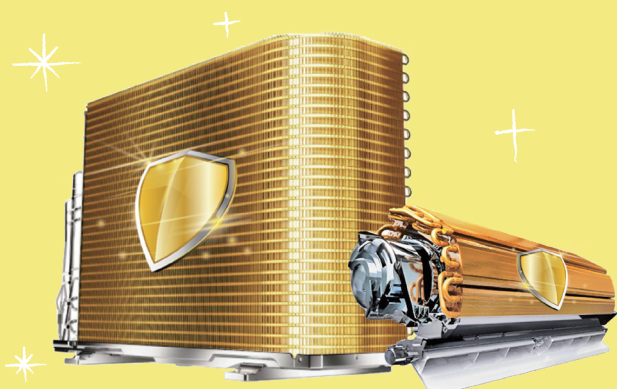


Tiết kiệm
lên đến
30%

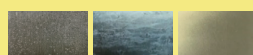


Lớp phủ chống ăn mòn Golden coating

Lớp phủ vàng có khả năng chống oxy hóa và ăn mòn tốt hơn so với các lá tản nhiệt thông thường, giúp máy hoạt động ổn định và bền bỉ hơn. Lớp phủ này có thể ngăn chặn sự sinh sôi và lây lan của vi khuẩn, đồng thời chịu được các tác nhân gây ăn mòn.

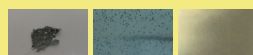


TEST 1 Thử nghiệm với muối



Xịt muối 1000 giờ (tương đương hơn 10 năm sử dụng)
Mức độ bảo vệ $\geq 9,5$ và không bị ăn mòn.

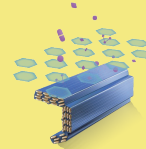
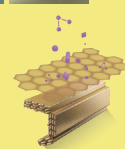
TEST 2 Thử nghiệm với axit

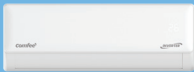
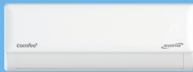
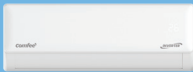


Thử nghiệm với axit trong 30 phút (tương đương với thử nghiệm mưa axit tăng tốc 10.000 lần)
Bề mặt bị ăn mòn $\leq 0,5\%$

Lớp phủ vàng

Phủ thường





Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Model	CFS-10VHAF	CFS-13VHAF	CFS-18VHAF
Dàn lạnh	CFS-10VHAFF	CFS-13VHAFF	CFS-18VHAFF
Dàn nóng	CFS-10VHAFC	CFS-13VHAFC	CFS-18VHAFC
Inverter	Có	Có	Có
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan	Thái Lan
Năm	2025	2025	2025

Chức năng nổi bật và thông số kỹ thuật

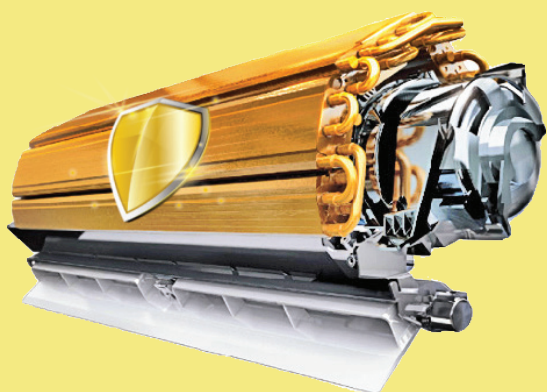
IOT - Kết nối Wifi		Có	Có	Có
AI Cool - Điều khiển bằng giọng nói		Có	Có	Có
iECO - Quản lý điện năng tiêu thụ qua ứng dụng		Có	Có	Có
Sleep Curve - Chương trình chăm sóc giấc ngủ		Có	Có	Có
Follow me - Cảm biến nhiệt độ		Có	Có	Có
Định vị thông minh có thể tự khởi động trước khi về tới nhà		Có	Có	Có
Eco mode - Chế độ tiết kiệm điện tối ưu		Có	Có	Có
Active Clean mode - Chế độ tự làm sạch dàn lạnh		Có	Có	Có
Lớp phủ chống ăn mòn dàn nóng và dàn lạnh (Golden Coating)		Có	Có	Có
Auto restart mode - Tự khởi động lại		Có	Có	Có
Dehumidification mode - Chế độ hút ẩm		Có	Có	Có
Dual Filtration - Công nghệ lọc kép		Có	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh		Có	Có	Có
Đèn trên remote		Có	Có	Có
Điện áp		220-240V,1Ph,50/60Hz	220-240V,1Ph,50/60Hz	220-240V,1Ph,50/60Hz
Thông số lạnh lạnh	Công suất làm lạnh (Btu/h)	10000 (3100 - 11600)	12500 (3800 - 14200)	18250 (6200 - 21000)
	Điện năng tiêu thụ định mức (W)	840	1150	1540
	Dòng điện làm lạnh định mức (A)	3.18	5.27	6.70
	Hệ số hiệu quả làm lạnh (CSPF)	4.96	4.92	5.08
	Cấp hiệu suất năng lượng (TCVN 7830 : 2021)	4	4	5
Thông số sưởi ấm	Công suất sưởi ấm (Btu/h)	10000 (2800 - 11500)	13000 (3700 - 14400)	19000 (4400 - 23000)
	Điện năng tiêu thụ định mức (W)	2.93 (0.82 - 3.37)	3.81 (1.08 - 4.22)	5.57 (1.29 - 6.74)
	Dòng điện làm lạnh định mức (A)	3.18	4.73	6.80
Công suất danh định (W)		2,150	2,150	2,150
Dòng điện tối đa (A)		10	10	13
Lưu lượng gió làm lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp)		466/360/325	540/430/314	840/680/540
Độ ồn dàn lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp)		38.5/32/25	40.5/34.5/25	42.5/36/26
Kích thước dàn lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	805x194x285	805x194x285	957x213x302
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	870x270x365	870x270x365	1035x295x385
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	7.6/9.7	7.6/9.8	10/13
Lưu lượng gió dàn nóng (m3/h)		1750	1800	2100
Độ ồn dàn nóng (dB(A))		55.5	56.0	56.0
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	720x270x495	720x270x495	805x330x554
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	835x300x540	835x300x540	915x370x615
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	23.2/25.0	23.2/25.0	32.7/35.4
Gas làm lạnh (kg)		R32/0.55	R32/0.55	R32/1.08
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)		4.3/1.7	4.3/1.7	4.3/1.7
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (mm)	6.35/9.52	6.35/9.52	6.35/12.7
	Chiều dài ống tối đa (m)	15	15	20
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10	10	10
Nhiệt độ làm lạnh (°C)		17 ~ 30	17 ~ 30	17 ~ 30
Nhiệt độ phòng	Trong nhà (làm lạnh/sưởi ấm) (°C)	17 ~ 32 / 0 ~ 30	17 ~ 32 / 0 ~ 30	17 ~ 32 / 0 ~ 30
	Ngoài trời (làm lạnh/sưởi ấm) (°C)	-15 ~ 50 / -20 ~ 30	-15 ~ 50 / -20 ~ 30	--15 ~ 50 / -20 ~ 30
Diện tích phòng (m²)		12 ~ 18	16 ~ 23	24 ~ 35



Golden Coating

Lớp phủ chống ăn mòn

Hệ thống lá tản nhiệt bên trong dàn lạnh được phủ thêm lớp bảo vệ cao cấp Golden Coating giúp tăng khả năng chống Oxi hóa, chống ăn mòn và ngăn chặn sự sinh sôi của nấm mốc, vi khuẩn.



Dual Filtration

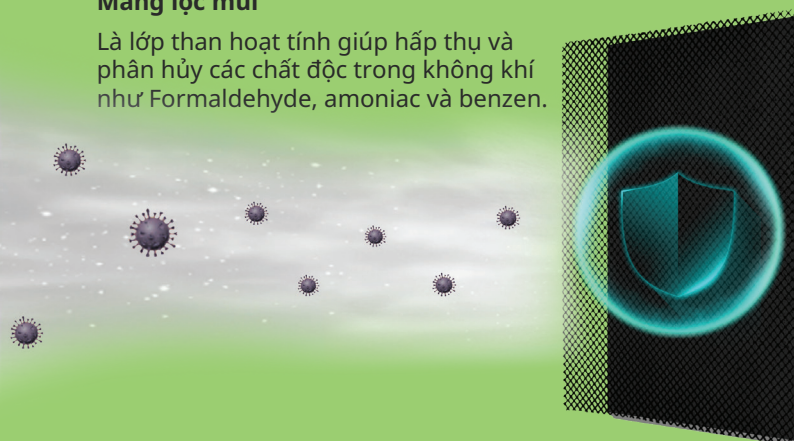
Công nghệ lọc kép

Màng lọc bụi

Loại bỏ các hạt bụi có kích thước từ 0,7-0,75 mm.

Màng lọc mùi

Là lớp than hoạt tính giúp hấp thụ và phân hủy các chất độc trong không khí như Formaldehyde, amoniac và benzen.



Active Clean

Sạch sâu kháng khuẩn

Công nghệ tự làm sạch giúp tiết kiệm chi phí vệ sinh định kì. Máy tăng công suất tối đa để "đóng băng" bụi bặm, nấm mốc, dầu mỡ..., sau đó làm "tan băng" đột ngột để cuốn trôi chất bẩn. Tiếp theo, máy sẽ được hong khô, hạn chế sự phát sinh trở lại của nấm mốc.



Hoạt động ổn định

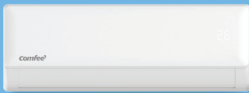
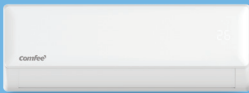
Với dây điện áp rộng

Bo mạch nguồn (PCB) được cải tiến có khả năng tương thích với điện áp yếu hoặc cao, bảo đảm điều hòa luôn hoạt động ổn định.



150-260V

Mono SERIES - Dòng tiêu chuẩn không Inverter



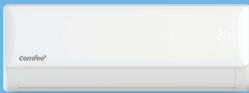
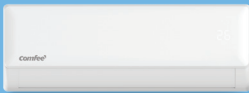
Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Model	CFS-09FGY	CFS-12FGY
Dàn lạnh	CFS-09FGYF	CFS-12FGYF
Dàn nóng	CFS-09FGYC	CFS-12FGYC
Inverter	Không	Không
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan
Năm	2026	2026

Chức năng nổi bật		
Sleep mode - Chế độ ngủ	Có	Có
Auto restart mode - Tự khởi động lại	Có	Có
Active Clean mode - Chế độ tự làm sạch dàn lạnh	Có	Có
Dehumidification mode - Chế độ hút ẩm	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh	Có	Có
Lớp phủ chống ăn mòn dàn lạnh (Golden Coating)	Có	Có

Thông số kỹ thuật			
Điện áp		220V,1Ph,50Hz	220V,1Ph,50Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh định mức (Btu/h)	9000	12000
	Điện năng tiêu thụ định mức (W)	820	1105
	Dòng điện làm lạnh định mức (A)	3.8	4.9
	Hệ số hiệu quả làm lạnh (CSPF)	3.47	3.47
	Cấp hiệu suất năng lượng	2	2
Dòng điện tối đa (A)		8	8.5
Kích thước dàn lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	813x201x289	813x201x289
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	870x270x365	870x270x365
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	8.5/10.8	8.5/10.7
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	668x252x469	765x303x555
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	765x270x525	887x337x610
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	21.5/23.2	25.9/28.0
Gas làm lạnh (kg)		R32/0.42	R32/0.43
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)		4.3/1.7	4.3/1.7
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (mm)	6.35/9.52	6.35/9.52
	Chiều dài ống tối đa (m)	15	15
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10	10
Nhiệt độ làm lạnh (°C)		17 ~ 30	17 ~ 30
Nhiệt độ phòng	Dàn lạnh (°C)	17 ~ 32	17 ~ 32
	Dàn nóng (°C)	18 ~ 43	18 ~ 43
Diện tích phòng (m²)		12 ~ 18	16 ~ 23

Mono SERIES - Dòng tiêu chuẩn không Inverter



Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Model	CFS-18FGY	CFS-24FGY
Dàn lạnh	CFS-18FGYF	CFS-24FGYF
Dàn nóng	CFS-18FGYC	CFS-24FGYC
Inverter	Không	Không
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan
Năm	2026	2026

Chức năng nổi bật		
Sleep mode - Chế độ ngủ	Có	Có
Auto restart mode - Tự khởi động lại	Có	Có
Active Clean mode - Chế độ tự làm sạch dàn lạnh	Có	Có
Dehumidification mode - Chế độ hút ẩm	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh	Có	Có
Lớp phủ chống ăn mòn dàn lạnh (Golden Coating)	Có	Có

Thông số kỹ thuật		
Điện áp		220V,1Ph,50Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh định mức (Btu/h)	18000
	Điện năng tiêu thụ định mức (W)	1600
	Dòng điện làm lạnh định mức (A)	7.5
	Hệ số hiệu quả làm lạnh (CSPF)	3.52
	Cấp hiệu suất năng lượng	3
Dòng điện tối đa (A)		14
Kích thước dàn lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	975x218x308
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	1035x295x385
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	10.4/13.4
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	765x303x555
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	887x337x610
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói) (kg)	33.6/36
Gas làm lạnh (kg)		R32/0.75
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)		4.3/1.7
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (mm)	6.35/12.7
	Chiều dài ống tối đa (m)	20
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10
Nhiệt độ làm lạnh (°C)		17 ~ 30
Nhiệt độ phòng	Dàn lạnh (°C)	17 ~ 32
	Dàn nóng (°C)	18 ~ 43
Diện tích phòng (m²)		23 ~ 34

comfee'



comfee'

BẢO HÀNH VƯỢT TRỘI

TỪ 2
LÊN **5**

năm bảo hành
MÁY NÉN

TỪ 2
LÊN **3**

năm bảo hành
TOÀN DIỆN



comfee'

100+

TRẠM BẢO HÀNH TOÀN QUỐC

33+

TỔNG ĐÀI VIÊN 1800 1529

THỨ HAI ĐẾN CHỦ NHẬT

08:00 - 20:00



comfee'

Điều hòa Châu Âu

Nhập khẩu và bảo hành bởi:
Công ty TNHH SPTD Toshiba Việt Nam

Tổng đài miễn phí: 1800 1529
Thứ 2 - Chủ nhật | 08:00 - 20:00
Website: www.feelcomfee.com/vn



Website



Youtube



Facebook